

Bản án số: 07/2024/DS-ST

Ngày: 11-4-2024

V/v “Tranh chấp về hui và hợp đồng  
mua bán tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH HƯNG, TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị The

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Danh Văn Hoàng

Ông Nguyễn Văn Lạc

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Vinh Hưng, tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vinh Hưng tham gia phiên  
tòa:* Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vinh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2024/TLST-DS24/01/2024 về “Tranh chấp hui về và hợp đồng mua bán tài sản t heo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-DS ngày 22/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Tăng Thị M, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt)

- *Người làm chứng:* Ông Phan Văn T1, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Long An. (Có đơn xin vắng)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/01/2024 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Theo bản án số 08/2023/DS-ST ngày 31/3/2023 của Tòa án nhân dân

huyện Vĩnh Hưng buộc bà phải trả cho bà Tăng Thị M số tiền 520.300.000 đồng. Tuy nhiên, bà Tăng Thị M còn thiếu bà tổng số tiền hội 202.950.000 đồng và 500.000 đồng tiền mua vé số. Cụ thể như sau:

1. Dây hội vụ 5.000.000 đồng do bà làm chủ thảo, 01 năm khai 02 lần (vụ đông xuân và vụ hè thu), bắt đầu khai từ vụ hè thu năm 2015 đến vụ hè thu năm 2021 thì mãn hội, gồm 13 phần, bà M tham gia 01 phần, bà M hót hội, sau đó đóng hội chết đến đông xuân 2018 thì không đóng nữa, nên còn lại 7 lần chưa đóng cho bà với số tiền 35.000.000 đồng.

2. Dây hội vụ 10.000.000 đồng do bà M làm chủ thảo, một năm khai 02 lần (vụ đông xuân và vụ hè thu), bắt đầu khai vào vụ đông xuân năm 2015 đến vụ hè thu năm 2021 mãn hội, có 13 thành viên, bà tham gia 01 phần, vụ đông xuân năm 2019 bà hót số tiền 88.000.000 đồng, sau khi trừ còn 4.000.000 đồng còn 84.000.000 đồng nhưng bà M không giao cho bà nên bà M còn thiếu bà số tiền 84.000.000 đồng.

3. Dây hội vụ 5.000.000 đồng do bà M làm chủ thảo, một năm khai 02 lần (vụ đông xuân và vụ hè thu), bắt đầu khai vào vụ đông xuân năm 2017 đến vụ đông xuân năm 2023 mãn hội, có 13 thành viên, bà tham gia 01 phần, bà đóng được 04 lần hội sống với số tiền 8.950.000 đồng thì bà M ngưng hội không khai nữa nên bà M còn thiếu bà số tiền 8.950.000 đồng.

4. Ngoài ra những thành viên tham gia hội do bà làm chủ thảo còn thiếu tiền bà, bà thì thiếu tiền hội bà M, vào tháng 6/2020 giữa bà và bà M có thỏa thuận những người này sẽ trả tiền cho bà M, cụ thể bà Nguyễn Thị N với số tiền 20.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H (H1) số tiền 40.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Bé S với số tiền 15.000.000 đồng. Tổng là 75.000.000 đồng, nhưng khi khởi kiện bà M không trừ số tiền này nên bà yêu cầu bà M trả cho bà số tiền 75.000.000 đồng.

5. Bà M còn thiếu bà số tiền mua vé số là 500.000 đồng.

Bà khởi kiện yêu cầu bà Tăng Thị M trả số tiền 203.450.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu bà Tăng Thị M trả số tiền 141.300.000 đồng gồm:

1. Dây hội vụ 5.000.000 đồng do bà làm chủ thảo, bà yêu cầu bà M trả số tiền 25.000.000 đồng; 2. Dây hội vụ 10.000.000 đồng do bà M làm chủ thảo, bà yêu cầu bà M trả số tiền hội sống 31.850.000 đồng; 3. Dây hội vụ 5.000.000 đồng do bà M làm chủ thảo, bà yêu cầu bà M trả số tiền 8.950.000 đồng; 4. Tiền cần trừ hội 75.000.000 đồng và tiền mua vé số 500.000 đồng.

Bị đơn bà Tăng Thị M trình bày:

Qua lời trình bày của bà Lâm Thị T, bà chỉ thống nhất một phần và còn thiếu bà T số tiền 9.450.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Dây hội vụ 5.000.000 đồng do bà làm chủ thảo, một năm khai 02 lần (vụ đông xuân và vụ hè thu), bắt đầu khai vào vụ đông xuân năm 2017 đến vụ đông xuân năm 2023 mãn hội, có 13 thành viên, bà T tham gia 01 phần, đóng được 04 lần hội sồng với số tiền 8.950.000 đồng thì bà ngưng hội không khai nữa nên bà còn thiếu bà T số tiền 8.950.000 đồng.

2. Bà còn thiếu bà T số tiền mua vé số là 500.000 đồng.

Bà không thống nhất các phần như sau:

1. Dây hội vụ 5.000.000 đồng do bà T làm chủ thảo, 01 năm khai 02 lần (vụ đông xuân và vụ hè thu), bắt đầu khai từ vụ hè thu năm 2015 đến vụ hè thu năm 2021 thì mãn hội, gồm 13 phần, bà tham gia 01 phần, bà đã hót hội và đã đóng hội chết đến vụ đông xuân năm 2019 thì không đóng nữa, nên còn lại 5 lần chưa đóng cho bà T với số tiền 25.000.000 đồng nhưng bà và bà T đã thỏa thuận cản trừ tiền hội chết của các dây hội tháng mà bà T còn thiếu bà vào tháng 3/2019 nên bà không còn thiếu bà T số tiền 25.000.000 đồng của dây hội này.

2. Dây hội vụ 10.000.000 đồng do bà làm chủ thảo, một năm khai 02 lần (vụ đông xuân và vụ hè thu), bắt đầu khai vào vụ đông xuân năm 2015 đến vụ hè thu năm 2021 mãn hội, có 14 thành viên, bà T tham gia 01 phần, bà T hót vụ đông xuân năm 2019 (lần thứ 8) và bà giao số tiền 78.000.000 đồng cho bà T, bà T có ký giấy giao hội. Sau đó, bà T không đóng hội chết nên bà đã khởi kiện bà T và đã có bản án có hiệu lực pháp luật nên bà không thiếu tiền bà T ở dây hội này.

3. Đối với việc thỏa thuận cản trừ nợ: Giữa bà và bà T có thỏa thuận cản trừ hội vào tháng 01/2020, cụ thể cản trừ của bà Nguyễn Thị N với số tiền 20.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H (H1) số tiền 40.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Bé S với số tiền 15.000.000 đồng, bà đã cản trừ xong. Cụ thể: Tiền hội của bà N cản trừ vào tháng 12/2018; Tiền hội của bà H cản trừ vào tháng 02/2019; Tiền hội của bà S cản trừ vào tháng 3/2019.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T bà chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 9.450.000 đồng.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của đương sự: Tất cả đều tuân theo pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, việc thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án, cũng như việc tranh luận tại phiên tòa hôm nay xác định được như sau: Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2023; đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/01/2024; lời trình bày của bà Lâm Thị T tại phiên hòa giải ngày 12/3/2024 và phiên đối chất ngày 22/3/2024 yêu cầu bà Tăng Thị M trả tổng số

tiền nợ là 141.300.000 đồng, trong đó 140.800.000 đồng tiền hụi và 500.000 đồng tiền mua vé số. Bà T không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn bà Tăng Thị M thừa nhận còn nợ hụi 8.950.000 đồng và nợ tiền mua vé số 500.000 đồng, đồng ý trả tổng số tiền còn nợ bà T là 9.450.000 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bà M trả số tiền 25.000.000 đồng đối với dây hụi vụ 5.000.000 đồng khai vào hè thu năm 2015, do bà T làm chủ thảo: Căn cứ vào danh sách hụi do bà T cung cấp thể hiện bà M có tham gia dây hụi do bà T làm chủ thảo; đồng thời tại biên bản đối chất ngày 22/3/2024, bà M thống nhất có tham gia dây hụi như lời trình bày của bà T và thừa nhận còn thiếu bà T 25.000.000 đồng. Bà M cho rằng đã cản trừ qua hụi chết của các dây hụi tháng vào tháng 3 năm 2019 nên không còn nợ bà T nhưng bà M không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh có việc cản trừ hụi, trong khi bà T không thừa nhận có việc cản trừ. Do đó bà T yêu cầu bà M trả số tiền nợ hụi là có căn cứ.

Về yêu cầu trả số tiền hụi 8.950.000 đồng đối với dây hụi vụ 5.000.000 đồng khai vào đông xuân năm 2017: Bà M thống nhất với lời trình bày của bà T và đồng ý trả cho bà T số tiền 8.950.000 đồng nên yêu cầu của bà T là có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu bà M trả số tiền hụi 31.850.000 đồng mà bà T đã đóng cho dây hụi vụ 10.000.000 đồng do bà Tăng Thị M làm chủ thảo, khai vào vụ hè thu năm 2015 đến vụ hè thu 2021 thì mãn: Đối chiếu với các tài liệu chứng cứ là “Giấy hợp đồng giao tiền tháng 3 năm 2019” thể hiện bà M đã giao 78.000.000 đồng tiền bà T hốt hụi cho dây hụi vụ 10.000.000 đồng khai vào đông xuân năm 2015; trong giấy hợp đồng giao tiền thể hiện họ tên và chữ ký nhận của bà T. Mặt khác, căn cứ bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 31/3/2023 đã có hiệu lực pháp luật đã xem xét giải quyết. Do đó, yêu cầu của bà T là không có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu trả 75.000.000 đồng trong việc thỏa thuận cản trừ hụi giữa những thành viên tham gia hụi do bà T làm chủ thảo còn thiếu tiền hụi vụ bà T: Bà T trình bày những thành viên tham gia hụi còn nợ tiền hụi bà T là bà Nguyễn Thị N nợ số tiền 20.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị H (H1) nợ số tiền 40.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Bé S nợ số tiền 15.000.000 đồng; bà T thiếu tiền hụi bà M nên giữa bà T và bà M có thỏa thuận cản trừ hụi với nhau. Cụ thể là bà N, bà H, bà Bé S sẽ trả tiền cho bà M tổng số tiền 75.000.000 đồng, tuy nhiên khi bà M khởi kiện thì không trừ số tiền đã thỏa thuận cản trừ. Bà M thống nhất lời trình bày của bà T là có việc thỏa thuận cản trừ hụi cho số tiền 75.000.000 đồng. Bà M cho rằng đã cản trừ xong nhưng bà M không cung cấp được tài liệu chứng cứ cho việc thỏa thuận cản trừ nên yêu cầu của bà T là có cơ sở.

Về yêu cầu trả 500.000 đồng tiền vé số: Bà M thống nhất với lời trình bày của bà T và đồng ý trả cho bà T số tiền mua vé số còn nợ 500.000 đồng nên yêu cầu của bà T là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.



Từ phân tích trên căn cứ Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự ; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hộ, hội, biên, phường đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Lâm Thị T. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Lâm Thị T về yêu cầu bà Tăng Thị M trả số tiền 31.850.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hội, hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn bà Tăng Thị M có nơi cư trú tại Ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Các vấn đề các đương sự thống nhất:

[2.1.1] Bà Lâm Thị T và bà Tăng Thị M thống nhất bà T có tham gia đây hội vụ 5.000.000 đồng do bà M làm chủ thảo, một năm khai 02 lần (vụ đông xuân và vụ hè thu), bắt đầu khai vào vụ đông xuân năm 2017 đến vụ đông xuân năm 2023 mãn hội, có 13 thành viên, bà T tham gia 01 phần, bà T đóng cho bà M được 04 lần hội sống với số tiền 8.950.000 đồng thì bà M ngưng hội không khai nữa nhưng bà M chưa trả tiền cho bà T. Bà T khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền 8.950.000 đồng hội sống đã đóng, bà M đồng ý nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà M trả số tiền hội 8.950.000 đồng.

[2.1.2] Bà Lâm Thị T và bà Tăng Thị M thống nhất bà M có mua bà T 50 tờ vé số với số tiền 500.000 đồng đến nay chưa trả tiền. Bà T khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền 500.000 đồng, bà M đồng ý nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà M trả số tiền mua bán vé số 500.000 đồng.

[2.2] Các vấn đề các đương sự không thống nhất:

[2.2.1] Bà Lâm Thị T và bà Tăng Thị M thống nhất bà M có tham gia đây hội vụ 5.000.000 đồng do bà T làm chủ thảo, 01 năm khai 02 lần (vụ đông xuân và vụ hè thu), bắt đầu khai từ hè thu năm 2015 đến vụ hè thu năm 2021 thì mãn hội, gồm 13 phần, bà M tham gia 01 phần, bà M đã hết hội và bà T đã giao hội. Bà M đã đóng hội chết đến vụ đông xuân 2019 thì không đóng nữa, nên còn lại 5 lần chưa đóng với số tiền 25.000.000 đồng. Bà T cho rằng hiện nay bà M còn thiếu bà số tiền 25.000.000 đồng. Bà M cho rằng đã thỏa thuận cản trừ hội tháng mà bà T còn nợ bà M vào tháng 3/2019 nên không còn nợ bà T số tiền này. Xét thấy, các đương sự thừa nhận bà M còn nợ bà T 05 lần hội chết với số tiền 25.000.000 đồng nhưng bà M cho rằng đã cản trừ vào hội tháng mà bà T còn nợ bà M vào tháng 3/2019 nhưng bà M không đưa ra chứng cứ chứng minh có việc thỏa thuận cản trừ hội mà chỉ là lời trình bày. Nên yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà M trả số tiền 25.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2.2.] Bà Lâm Thị T và bà Tăng Thị M thống nhất giữa bà và bà M có thỏa thuận bằng lời nói việc cản trừ hụi chết với số tiền 75.000.000 đồng giữa thành viên tham gia hụi do bà T làm chủ thảo và cũng là thành viên hụi do bà M làm chủ thảo, những người thiếu tiền hụi chết bà T sẽ trả tiền cho bà M, cụ thể bà Nguyễn Thị N trả cho bà M với số tiền 20.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H (H1) trả cho bà M số tiền 40.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Bé S trả cho bà M với số tiền 15.000.000 đồng. Bà T và bà M thống nhất các bà N, H, S đã thực hiện việc cản trừ hụi với bà M đã xong, sự việc không liên quan đến những người này nữa và cũng đề nghị không triệu tập tham gia người làm chứng, giữa bà T và bà Mai tính toán với nhau. Bà T cho rằng chỉ mới thỏa thuận cản trừ vào vụ hè thu năm 2020 (khoảng tháng 6/2020) còn bà M cho rằng đã thỏa thuận cản trừ hụi vào tháng 01/2020 nhưng đã cản trừ vào những phần hụi tháng bà T nợ trước đó, cụ thể cản trừ hụi của bà N vào hụi tháng của bà T thiếu bà vào tháng 12/2018, cản trừ hụi của bà H vào hụi tháng của bà T thiếu bà vào tháng 02/2019, cản trừ hụi của bà S vào hụi tháng của bà T thiếu bà vào tháng 3/2019. Việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ của các bên được bà T và bà M thừa nhận, không lập thành văn bản mà chỉ là lời nói, bà T xuất trình được danh sách hụi do bà N, bà H, bà S tham gia và có thể hiện thời gian hốt hụi, đóng hụi như sau: Bà H tham gia dây hụi vụ 10.000.000 đồng do bà T làm chủ thảo, một năm khai 02 lần (vụ đông xuân và vụ hè thu), gồm có 15 phần, bắt đầu khai vào vụ đông xuân năm 2015 đến vụ đông xuân năm 2022 là mãn hụi, bà H tham gia một phần, trong danh sách hụi là chị Ba H2, bà H đã hốt hụi vào vụ hè thu năm 2016, bà T cho rằng bà H đóng hụi chết đến vụ đông xuân năm 2020 thì thỏa thuận bà H sẽ đóng hụi cho bà M với 4 lần còn lại là vụ hè thu năm 2020, vụ đông xuân năm 2021, vụ hè thu năm 2021, vụ đông xuân năm 2022; Bà N và bà S tham gia dây hụi vụ 5.000.000 đồng do bà T làm chủ thảo, một năm khai 02 lần (vụ đông xuân và vụ hè thu), gồm có 15 phần, bắt đầu khai vào vụ đông xuân năm 2014 đến vụ hè thu năm 2021 mãn hụi, bà N tham gia 01 phần trong danh sách hụi là Thọ N1, bà N1 đã hốt vào vụ hè thu năm 2014 và bà T cho rằng bà N1 đóng hụi chết đến vụ hè thu năm 2019 thì thỏa thuận bà N1 sẽ đóng hụi cho bà M với 4 lần còn lại là vụ đông xuân năm 2020, vụ hè thu năm 2020, vụ đông xuân năm 2021, vụ hè thu năm 2021; bà S tham gia 01 phần trong danh sách hụi là Bé Sáu K, bà S đã hốt hụi vào vụ đông xuân năm 2014 và bà T cho rằng bà S đóng hụi chết đến vụ đông xuân năm 2020 thì thỏa thuận bà S sẽ đóng hụi cho bà M với 3 lần còn lại là vụ hè thu năm 2020, vụ đông xuân năm 2021, vụ hè thu năm 2021. Xét thấy, bà H đã đóng hụi chết cho bà T đến vụ đông xuân năm 2020, bà N1 đã đóng hụi chết cho bà T đến vụ hè thu năm 2019, bà S đã đóng hụi cho bà T đến vụ đông xuân năm 2020 và đây là hụi chết đóng theo từng vụ lúa. Nhưng bà M cho rằng đã cản trừ hụi tháng cho bà T vào tháng 12/2018, tháng 02/2019, tháng 3/2019 là không phù hợp. Hơn nữa, tại Bản án số 08/2023/DS-ST ngày 31/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã xét xử về tranh chấp về hụi giữa nguyên đơn bà M và bị đơn bà T đã có hiệu lực pháp luật thì bà M cũng không đề cập đến việc cản trừ hụi này, bà M chỉ trình bày mà không có chứng cứ chứng minh bà M đã cản trừ cho bà T tiền hụi với số tiền 75.000.000 đồng.

Nên yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà M trả số tiền 75.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2.3] Bà Lâm Thị T và bà Tăng Thị M thống nhất bà T có tham gia dây hụi vụ 10.000.000 đồng do bà M làm chủ thảo, một năm khai 02 lần (vụ đông xuân và vụ hè thu), bắt đầu khai vào vụ đông xuân năm 2015, bà T tham gia 01 phần, đến vụ đông xuân năm 2019 bà T hốt hụi. Bà T cho rằng dây hụi có 13 thành viên nhưng bà M cho rằng 14 thành viên vì khi bà đưa danh sách hụi cho bà T 13 thành viên nhưng sau đó có 01 thành viên tham gia nữa nên dây hụi này gồm 14 thành viên; bà T cho rằng đã hốt hụi nhưng bà M chưa giao nhưng bà M cho rằng đã giao hụi cho bà T, bà T có ký giấy giao hụi. Tuy nhiên, theo Bản án số 08/2023/DS-ST ngày 31/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã xét xử về tranh chấp về hụi giữa nguyên đơn bà M và bị đơn bà T đã có hiệu lực pháp luật, tại trang 5 và mục [3.2] trang 8 của bản án đã xem xét giải quyết về dây hụi trên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nên căn cứ điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này của bà T. Trường hợp, bà T không đồng ý với Bản án số 08/2023/DS-ST ngày 31/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã có hiệu lực pháp luật thì bà có thể thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để yêu cầu giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm.

[3] Bà Lâm Thị T không yêu cầu tiền lãi nên Tòa án không xem xét giải quyết. Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của Viện kiểm sát. Bà Tăng Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị T tổng số tiền 109.450.000 đồng, trong đó 108.950.000 đồng tiền hụi và 500.000 đồng tiền mua vé số.

[4] Ông Phan Văn T1 là chồng bà Nguyễn Thị H trình bày các bên đã cản trừ hụi xong với số tiền 40.000.000 đồng. Đối với những người làm chứng Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị Bé S thì các đương sự cho rằng không thể đến Tòa án làm chứng và không đề nghị Tòa án triệu tập tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Tăng Thị M phải chịu án phí tính trên số tiền phải trả cho bà Lâm Thị T. Bà Lâm Thị T được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 430, 440, 471, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phụng; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T về việc tranh chấp hụi và tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bà Tăng Thị M.

2. Buộc bà Tăng Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị T số tiền 109.450.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó, 108.950.000 đồng (một trăm lẻ tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền hụi và 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) tiền mua vé số.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T về việc tranh chấp hụi với bà Tăng Thị M với số tiền 31.850.000 đồng.

5. Về án phí: Buộc bà Tăng Thị M phải nộp 5.472.500 đồng (năm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị The**